

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÂM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						421 894	132 540	289 354			
I		CẢNG CHÍNH						113 318	19 781	93 537			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>12 718</i>	<i>12 575</i>	<i>143</i>			
1		ĐẠM HÀ BẮC	26/9	602/9	30/9	QN 4114	CÁM 4A.1	1 700	1 658	42	28/9	HỘ LỚN	
2		COALIMEX	24/9	2433/9	30/9	VIỆT THUẬN HN-01	CÁM 5A.1	2 900	2 900		28/9	PTCB	
							CÁM 5B.1	3 200	3 111	89	28/9	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	27/9	2451/9	30/9	HP 5915	CÁM 1	2 262	2 256	6	28/9	TD	
4		XNK ANH KHOA	23/9	2419/9	30/9	HN 2556	CÁM 4A.1	2 656	2 650	6	28/9	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>34 900</i>	<i>7 206</i>	<i>27 694</i>			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG	22/9	2415/9	30/9	THANH BÌNH 68	CÁM 5A.1	4 200	4 131	69	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		NHÓM LÂM ĐỒNG	22/9	2416/9	30/9	THANH BÌNH 68	CỤC 4A.2	2 600	2 425	176	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		KDT BẮC TRUNG BỘ	27/9	2452/9	30/9	NB 8917	CÁM 4B.1	2 900		2 900		PTCB	
4		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	23/9	2363/9	30/9	NB 8530	CỤC XỔ 1C	1 200	650	550	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
5		KDT MIỀN BẮC	26/9	2446/9	30/9	NEW GOLD	CÁM 2A.1	24 000		24 000		TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>65 700</i>		<i>65 700</i>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/9	573/9		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTCO; 10.300 CLM: 13.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	28/9	604/9		HẢI NAM 88	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	
3		ĐTTM VÀ DỊCH VỤ VINACOMIN	24/9	2435/9	30/9	BN 2929	CÁM 5B.1	3 200		3 200		PTCB	
4		TRƯỜNG ANH 888	24/9	2184/9	30/9	BN 2005	CÁM 4B.1	1 542		1 542		TD	GIA HẠN L3
5		VẬN TẢI THỦY	13/9	2144/8	20/9	BN 2706	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	GIA HẠN L3
6		DVVT QUẢNG NINH	28/9	2142/8	30/9	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L3
7		DVVT QUẢNG NINH	28/9	2221/8	30/9	HN 2402	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L3
8		TRƯỜNG ANH 888	24/9	2185/8	30/9	BN 2203	CÁM 4B.1	1 560		1 560		TD	GIA HẠN L3
9		SX & TM THAN UÔNG BÍ	22/9	2347/9	30/9	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
10		COALIMEX	23/9	2356/9	30/9	BN 2366	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
11		DDTM VÀ DV VINACOMIN	23/9	2421/9	30/9	HD 2095	CÁM 4B.1	1 988		1 988		TD	
12		THAN SỐNG HỒNG	27/9	2247/9	30/9	BN 2112	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
13		XDCN MỎ	28/9	2400/9	30/9	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	GIA HẠN L1
14		VT & KDT	28/9	2304/9	30/9	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
		Tàu chuyển tải						125 200	36 843	88 357			
		Tàu đã làm hàng						29 300	28 883	417			
1		ĐIỆN VINH TÂN	21/9	588/9		VINACOMIN 30-01	CẨM 6A.1	29 300	28 883	417	28/9	HỘ LỚN	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						70 300	7 960	62 340			
1		ĐIỆN VINH TÂN	22/9	589/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 6A.1	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 3.300
2		XNK THAN	22/9	2413/9		VIET THUAN OCEAN	CẨM 3B.2	44 000	7 960	36 040	BỐC DỖ	TD	KVĐB: 44.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						25 600		25 600			
1		ĐIỆN VINH TÂN	25/9	595/9		VIỆT THUẬN 26-03	CẨM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 5.600
II		KHO G9-HÓA CHẤT						45 412	9 862	35 550			
		Tàu đã làm hàng						7 348	7 229	119			
1		KDT HẢI PHÒNG	27/9	2454/9	30/9	HP 4854	CẨM 7C	1 350	1 341	9	28/9	PTCB	NGUỒN KVCP
2		VT & KDT	25/9	2033/8	30/9	BN 1336	CỤC XÔ 1A	1 000	983	17	28/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L6
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	27/9	2397B/9	30/9	BN 2022	CẨM 8A	1 100	1 073	27	28/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2397/9
4		ĐTKS-THAN ĐÔNG BẮC	26/9	2376/9	30/9	HY 0802	CẨM 8A	1 928	1 911	17	28/9	TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
5		ĐT TM & DV	24/9	2429/9	30/9	NISSI 777	CẨM 8A	1 970	1 920	50	28/9	TD	NGUỒN ĐN-C6
		Tàu dự kiến rút trong ngày						12 649	2 634	10 015			
1		THAN MIỀN NAM	27/9	2391/9	30/9	FLJ777	CẨM 8A	2 300	723	1 577	DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
2		SX & TM THAN UÔNG BÍ	28/9	2385/9	30/9	HẢI ÂU 199	CẨM 8A	2 300	1 409	891	DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
3		THAN MIỀN NAM	22/9	2414/9	30/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 8A	940	501	439	DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	28/9	2459/9	30/9	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 130		1 130		TD	NGUỒN MD Thay TBRT 2208/8
5		VẬN TẢI THỦY	28/9	2458/9	30/9	QN 8236 (VT-TĐ 06)	CẨM 4A.1	3 000		3 000		TD	NGUỒN KVCP
6		TRƯỜNG ANH 888	25/9	2372/9	30/9	HD 2266	CẨM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh						25 415		25 415			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	24/9	2434/9	30/9	BN 3046	CỤC 1B	1 600		1 600		TD	NGUỒN TN
2		SX & TM THAN UÔNG BÍ	22/9	2166/8	30/9	BN 1997	CỤC XÔ 1A	550		550		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L3

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
							CỤC XỔ 1B	550		550		TD	
3		KDT HÀ NỘI	22/9	2418/9	30/9	BN 1879	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	22/9	2411/9	30/9	BN 2158	CỤC XỔ 1A	1 538		1 538		TD	NGUỒN ĐN-C6
5		VT QUẢNG NINH	23/9	2191/8	30/9	BN 2189	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
6		VT THỦY	23/9	2154/8	30/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS
7		THÁI SƠN HP	23/9	2420/9	30/9	TD 37-CG	CẨM 8A	1 658		1 658		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CẨM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS
8		VẬN TẢI THỦY	25/9	2441/9	30/9	HD 1213	CẨM 8A	2 312		2 312		TD	NGUỒN CS
9		XNK ANH KHOA	25/9	2205/8	30/9	VP 2882	CẨM 8A	1 960		1 960		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L4
10		XNK VTA	27/9	2374B/9	30/9	HD 2099	CẨM 8A	1 970		1 970		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2374/9
11		XNK THAN	26/9	2283/9	30/9	BN 0757	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
12		ĐVVT QUẢNG NINH	27/9	2453/9	30/9	QN 7535	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN TTCO
13		KDT MIỀN BẮC	27/9	2455/9	30/9	HD 2325	CẨM 8A	996		996		TD	NGUỒN CS
14		VẬN TẢI THỦY	28/9	2458/9	30/9	QN 8236	CẨM 4A.1	3 000		3 000		TD	NGUỒN KVCP
15		HÀNG HẢI VIỆT NAM	28/9	2456/9	30/9	NB 8707	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2210/8
III	<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>							<u>8 718</u>	<u>4 100</u>	<u>4 618</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>4 116</i>	<i>4 100</i>	<i>16</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/9	594/9	30/9	QN 1043	CẨM 5B.10	2 400	2 393	7	28/9	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	25/9	596/9	30/9	QN 4113	CẨM 5B.10	1 716	1 707	9	28/9	HỘ LỚN	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>												
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<i>4 602</i>		<i>4 602</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	21/9	585/9	30/9	TD 03-1	CẨM 5B.10	2 276		2 276		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	28/9	603/9	30/9	TD 18-1	CẨM 5B.10	2 326		2 326		HỘ LỚN	
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>							<u>8 846</u>	<u>874</u>	<u>7 972</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>												
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							<i>4 850</i>	<i>874</i>	<i>3 976</i>			
1		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	25/9	2439/9	30/9	KHÁNH MINH 68	CẨM 5B.1	2 650		2 650	RÓT DỖ	PTCB	
2		XNK THAN VINACOMIN	23/9	2424/9	30/9	HP 6863	BÙN 3C	2 200	874	1 326	RÓT DỖ	TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<i>3 996</i>		<i>3 996</i>			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 29 THÁNG 9 NĂM 2026

[illegible]

